

DANH SÁCH THÍ SINH
Năm học 2025-2026. Học kỳ 1

Môn thi: **Lập trình hợp ngữ**

Hình thức thi: Thực hành

Thời gian làm bài: (phút)

Tổng số thí sinh: 15

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
1	100	CT070101	Lưu Tuấn	Anh	8	10	8,6	2	21/04/2026	13h30	203-TB5	
2	101	CT070202	Nguyễn Tuấn	Anh	8	10	8,6	2	21/04/2026	13h30	203-TB5	
3	102	CT070314	Nguyễn Minh	Duyên	6,5	10	7,6	2	21/04/2026	13h30	203-TB5	
4		CT040412	Đỗ Ngọc Tùng	Dương	4	8	5,2	2				Nợ HP
5		CT030422	Trương Xuân	Hòa	6,5	8	7	2				Nợ HP
6		CT070324	Nguyễn Quang	Huy	7	10	7,9	2				Nợ HP
7	103	CT070136	Nguyễn Minh	Long	7	10	7,9	2	21/04/2026	13h30	203-TB5	
8	104	CT070229	Đỗ Đại	Lộc	6,5	9	7,3	2	21/04/2026	13h30	203-TB5	
9	105	CT070334	Cao Đình	Nguyễn	8	10	8,6	2	21/04/2026	13h30	203-TB5	
10	106	CT070339	Tạ Đức	Phúc	8	10	8,6	2	21/04/2026	13h30	203-TB5	
11	107	CT070341	Mai Hà	Quân	6,5	10	7,6	2	21/04/2026	13h30	203-TB5	
12	108	CT070145	Nguyễn Anh	Quân	7,5	10	8,3	2	21/04/2026	13h30	203-TB5	
13	109	CT060430	Nguyễn Đình	Quân	5	8	5,9	2	21/04/2026	13h30	203-TB5	
14	110	CT070244	Nguyễn Xuân	Quý	7	10	7,9	2	21/04/2026	13h30	203-TB5	
15	111	CT070351	Nguyễn Thị Phương	Thảo	7	10	7,9	2	21/04/2026	13h30	203-TB5	

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2026

PHÒNG KT&ĐBCLĐT

DANH SÁCH THÍ SINH
Năm học 2025-2026. Học kỳ 1

Môn thi: **Đặc tả hình thức**

Hình thức thi: Tự luận

Thời gian làm bài: 90 (phút)

Tổng số thí sinh: 9

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
1	100	AT190303	Nguyễn Tiến	Anh	4	10	5,8	2	21/04/2026	13h30	201-TA1	
2	101	AT190505	Nguyễn Việt	Anh	4	4	4	2	21/04/2026	13h30	201-TA1	
3	102	AT160508	Đỗ Văn	Duy	4	9	5,5	2	21/04/2026	13h30	201-TA1	
4	103	AT190310	Trần Quốc	Đạt	4	10	5,8	2	21/04/2026	13h30	201-TA1	
5	104	AT190319	Nguyễn Đức	Hải	4	10	5,8	2	21/04/2026	13h30	201-TA1	
6	105	AT190234	Lô Hoàng	Nam	4	4	4	2	21/04/2026	13h30	201-TA1	
7	106	AT190151	Nguyễn Đức	Thắng	4	9	5,5	2	21/04/2026	13h30	201-TA1	
8		AT190152	Vũ Đăng	Trương	8	5	7,1	2				Nợ HP
9	107	AT190558	Nguyễn Vũ Thành	Việt	4	9	5,5	2	21/04/2026	13h30	201-TA1	

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2026

PHÒNG KT&ĐBCLĐT

DANH SÁCH THÍ SINH
Năm học 2025-2026. Học kỳ 1

Môn thi: **Thiết bị ngoại vi và kỹ thuật ghép nối**

Hình thức thi: Tự luận

Thời gian làm bài: 90 (phút)

Tổng số thí sinh: 4

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
1		DT060208	Lê Văn	Đạt	8,3	8	8,2	2				Nợ HP
2	200	DT060108	Đỗ Duy Hồng	Đức	6	7	6,3	2	21/04/2026	13h30	201-TA1	
3	201	DT060126	Tào Quang	Hưng	7,5	8	7,7	2	21/04/2026	13h30	201-TA1	
4	202	DT060149	Trương Anh	Tuấn	8,3	8	8,2	2	21/04/2026	13h30	201-TA1	

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2026

PHÒNG KT&ĐBCLĐT

DANH SÁCH THÍ SINH
Năm học 2025-2026. Học kỳ 1

Môn thi: **Tín hiệu và hệ thống**

Hình thức thi: Tự luận

Thời gian làm bài: 90 (phút)

Tổng số thí sinh: 9

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
1	150	DT060110	Lữ Tùng	Dương	7	7	7	2	21/04/2026	13h30	201-TA1	
2	151	DT070221	Nguyễn Mạnh	Hùng	6,5	5	6,1	2	21/04/2026	13h30	201-TA1	
3	152	DT070222	Nguyễn Quang	Huy	8	7,5	7,9	2	21/04/2026	13h30	201-TA1	
4	153	DT070226	Nguyễn Long	Khánh	7	7,5	7,2	2	21/04/2026	13h30	201-TA1	
5	154	DT070130	Trần Hà	Kiên	6	7,5	6,5	2	21/04/2026	13h30	201-TA1	
6	155	DT070234	Đỗ Đại	Nghĩa	8	7	7,7	2	21/04/2026	13h30	201-TA1	
7	156	DT070238	Nguyễn Bảo	Quốc	7	7,5	7,2	2	21/04/2026	13h30	201-TA1	
8	157	DT070136	Đông Minh	Quyền	7	8	7,3	2	21/04/2026	13h30	201-TA1	
9	158	DT070250	Nguyễn Thế	Vinh	8	5	7,1	2	21/04/2026	13h30	201-TA1	

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2026

PHÒNG KT&ĐBCLĐT

DANH SÁCH THÍ SINH
Năm học 2025-2026. Học kỳ 1

Môn thi: **Hệ thống viễn thông**

Hình thức thi: Trắc nghiệm

Thời gian làm bài: 60 (phút)

Tổng số thí sinh: 3

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
1	200	DT060123	Chu Mạnh	Hùng	8	9	8,3	2	21/04/2026	13h30	102.1-TA1	
2	201	DT060127	Nguyễn Văn	Huy	9	10	9,3	2	21/04/2026	13h30	102.1-TA1	
3	202	DT040137	Lê Đăng	Minh	5,5	9	6,6	2	21/04/2026	13h30	102.1-TA1	

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2026
PHÒNG KT&ĐBCLĐT

DANH SÁCH THÍ SINH
Năm học 2025-2026. Học kỳ 1

Môn thi: **Nhập môn mật mã học**

Hình thức thi: Trắc nghiệm

Thời gian làm bài: 60 (phút)

Tổng số thí sinh: 22

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
1	100	AT200416	Nguyễn Lý	Dương	7,6	7,6	7,6	2	21/04/2026	13h30	102.1-TA1	
2	101	AT160217	Lại Quang	Đức	7	4	6,1	2	21/04/2026	13h30	102.1-TA1	
3	102	AT200320	Nguyễn Trung	Hiếu	9	9	9	2	21/04/2026	13h30	102.1-TA1	
4		AT200227	Trần Nhật	Huy	8	9	8,3	2				Nợ HP
5	103	AT200427	Trần Quang	Huy	7,4	7,4	7,4	2	21/04/2026	13h30	102.1-TA1	
6		AT170123	Nguyễn Quốc	Hung	6,8	6,8	6,8	2				Nợ HP
7		AT200132	Phạm Lê Trung	Kiên	7	6	6,7	2				Nợ HP
8	104	AT200340	Nông Hồng	Minh	9,3	4	7,7	2	21/04/2026	13h30	102.1-TA1	
9		AT190335	Nguyễn Huy	Nam	8	9	8,3	2				Nợ HP
10		AT200343	Nguyễn Duy	Nghĩa	8	9	8,3	2				Nợ HP
11	105	AT180138	Nguyễn Đức	Phong	5,5	4	5,1	2	21/04/2026	13h30	102.1-TA1	
12	106	AT200448	Ngô Huy	Quân	8,5	8	8,4	2	21/04/2026	13h30	102.1-TA1	
13	107	AT190442	Nguyễn Hồng	Quân	9,5	8	9,1	2	21/04/2026	13h30	102.1-TA1	
14	108	AT180540	Đình Thanh	Quý	9,5	9	9,4	2	21/04/2026	13h30	102.1-TA1	
15	109	AT200452	Lê Thị Minh	Tâm	9,5	10	9,7	2	21/04/2026	13h30	102.1-TA1	
16		AT200453	Vũ Nhật	Tân	5,5	5,5	5,5	2				Nợ HP
17	110	AT180244	Nguyễn Xuân	Thành	6	6	6	2	21/04/2026	13h30	102.1-TA1	
18		AT140149	Vũ Đức	Toàn	4	4	4	2				Nợ HP
19		AT200463	Tô Văn	Tuấn	7,8	8	7,9	2				Nợ HP
20		AT180150	Nông Thanh	Tùng	9	4	7,5	2				Nợ HP
21		AT160656	Phạm Thanh	Tùng	8,3	6	7,6	2				Nợ HP
22	111	AT200167	Nguyễn Đức	Việt	9,5	9	9,4	2	21/04/2026	13h30	102.1-TA1	

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2026

PHÒNG KT&ĐBCLĐT

DANH SÁCH THÍ SINH
Năm học 2025-2026. Học kỳ 1

Môn thi: **Vật lý đại cương 2**

Hình thức thi: Trắc nghiệm

Thời gian làm bài: 60 (phút)

Tổng số thí sinh: 22

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
1	150	AT210503	Trịnh Quang Tuấn	Anh	6,5	4	5,8	2	21/04/2026	3h30. Lần	102.1-TA1	
2		AT210514	Phạm Văn	Dũng	4	7	4,9	2				Nợ HP
3	151	DT080110	Trần Hoàng	Dũng	5	6	5,3	2	21/04/2026	3h30. Lần	102.1-TA1	
4	152	AT210510	Nông Tuấn	Đoàn	9	8,5	8,9	2	21/04/2026	3h30. Lần	102.1-TA1	
5	153	AT190417	Đỗ Hoàng	Giáp	5,5	6	5,7	2	21/04/2026	3h30. Lần	102.1-TA1	
6	154	CT080224	Lê Nguyễn Huy	Hoàng	6,5	7	6,7	2	21/04/2026	3h30. Lần	102.1-TA1	
7	155	AT210223	Nguyễn Việt	Hùng	5,7	8	6,4	2	21/04/2026	3h30. Lần	102.1-TA1	
8	156	AT210425	Lê Hoàng	Huy	6,9	6	6,6	2	21/04/2026	3h30. Lần	102.1-TA1	
9	157	DT080227	Đoàn Trọng	Huỳnh	4,5	7	5,3	2	21/04/2026	3h30. Lần	102.1-TA1	
10	158	DT080224	Trương Văn	Hương	8,5	7	8,1	2	21/04/2026	3h30. Lần	102.1-TA1	
11	159	CT090228	Nguyễn Vũ	Kỳ	5	5	5	2	21/04/2026	3h30. Lần	102.1-TA1	
12		AT210434	Cao Văn	Long	5,7	7	6,1	2				Nợ HP
13	160	DT080230	Nguyễn Duy	Mạnh	5	7	5,6	2	21/04/2026	3h30. Lần	102.1-TA1	
14	161	AT210336	Nguyễn Công	Minh	6,5	8	7	2	21/04/2026	3h30. Lần	102.1-TA1	
15		AT210139	Đàm Văn	Phú	8,5	8	8,4	2				Nợ HP
16		AT210547	Nguyễn Thái	Thịnh	10	8	9,4	2				Nợ HP
17	162	AT210258	Bùi Hoàng	Triệu	5,8	6	5,9	2	21/04/2026	3h30. Lần	102.1-TA1	
18		AT210151	Hoàng Minh	Tú	7,5	8	7,7	2				Nợ HP
19	163	AT210551	Nông Tuấn	Tú	9,8	8	9,3	2	21/04/2026	3h30. Lần	102.1-TA1	
20	164	DT080149	Trần Ngọc	Tú	7,5	7	7,4	2	21/04/2026	3h30. Lần	102.1-TA1	
21	165	AT210154	Lê Xuân	Tường	9,5	8	9,1	2	21/04/2026	3h30. Lần	102.1-TA1	
22	166	AT210556	Phạm Phú	Vinh	5	6	5,3	2	21/04/2026	3h30. Lần	102.1-TA1	

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2026

PHÒNG KT&ĐBCLĐT